

1. Write these phrases in English.

Hiệu bánh

Hiệu thuốc

Siêu thị

Cửa hàng bánh kẹo

Rạp chiếu phim

Hiệu sách

Khăn

Áo cánh/ áo kiểu phụ nữ

Áo khoác

Chân váy

Áo len chui cổ

Quần bò

Giày

Xăng đan

Quần âu

Áo phông

2. Translate into English.

1. Hãy đến hiệu sách đi! – Ý kiến hay đấy!

.....

2. Tại sao bạn muốn đến hiệu bánh?

.....

3. Bởi vì tôi muốn mua 1 ít bánh mì.

.....

4. Hãy đến siêu thị đi! – Xin lỗi, tôi bận.

.....

5. Tại sao Lan muốn đến hiệu thuốc?

.....

6. Bởi vì cô ấy muốn mua 1 ít thuốc.

.....

7. Quần âu giá bao nhiêu? – 200 nghìn đồng.

.....

8. Chiếc khăn này giá bao nhiêu? – 50 nghìn đồng.

.....

9. Đôi giày giá bao nhiêu? – 300 nghìn đồng.

.....

III. Reorder the words to make correct sentences.

1. a/ presents/ of/ get/ Children's/ lot/ on/ Children/ Day
.....
2. like/ rice/ would/ and/ chicken/ you/ some/ ?
.....
3. mountains/ explore/ to/ caves/ I'm/ the/ in/ going/ the
.....
4. your/ number/ phone/ What/ is/ brother's ?
.....
5. they/ because/ she/ zebras/ likes/ beautiful/ are
.....
6. like/ her/ What/ grandfather/ does/ look/ ?
.....
7. work/ in/ They/ factory/ a/ my/ near/ house.
.....
8. Dung/ to/ supermarket/ wants/ go/ to/ the
.....

IV. Read the text and write true (T) or false (F).

Dear Nam,

I'm John. Yesterday was fun and relaxing. I got up late. In the morning, I cleaned my room. In the afternoon, I watered flowers in the garden. Then I did my homework. In the evening, I chatted with my friend Phong. We talked about our favorite films. What did you do yesterday?

John.

True

False

1. John got up late
2. In the morning, he cleaned the living room.
3. In the afternoon, he watched TV.
4. He chatted online with his friend phong.
5. They talked about their homework.